TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17 -11-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mộng Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tuyển và ông Nguyễn Xuân Chí

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngô Văn T, sinh ngày 02/03/1969 (*trên giấy chứng nhận kết hôn là Ngô Văn T, sinh ngày 11/5/1968*);
Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên (Có mặt).

- Bị đơn: Huỳnh Thị N, sinh ngày 06/8/1965 (*trên giấy chứng nhận kết hôn là Huỳnh Thị N, sinh ngày 03/10/1965*);
Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.
Tạm trú: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn Ngô Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Văn T và Bà Huỳnh Thị N tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Khánh *(nay là UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên)* ngày 08/7/1988. Quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mẫu thuẫn, ông T đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà N.

Về con chung: Vợ chồng có 05 con chung là Ngô Văn T1, sinh ngày 10/8/1988; Ngô Văn T2, sinh ngày 02/8/1991; Ngô Thị Bích T, sinh ngày 06/8/1994; Ngô Văn P, sinh ngày 10/7/1996 và Ngô Văn Q, sinh ngày 27/11/1999. Hiện các con đã đủ 18 tuổi nên không có yêu cầu gì.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn Huỳnh Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp ly hôn; Bị đơn Huỳnh Thị N có hộ khẩu tại huyện T, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện T, tỉnh Phú Yên theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

[1.2] Tại sổ đăng ký kết hôn, số 334 ngày 08/7/1988 của UBND xã H, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Khánh (*nay là UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên)* thể hiện họ tên chồng Ngô Văn T, sinh ngày 11/5/1968 và họ tên vợ Huỳnh Thị N, sinh ngày 03/10/1965. Theo xác nhận thông tin cư trú của Công an xã H ngày 01/8/2023, thì ông Ngô Văn T, sinh ngày 02/3/1969 (*chủ hộ*) và bà Huỳnh Thị N, sinh ngày 06/8/1965 (*quan hệ với chủ hộ: Vợ*), có hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã H, huyện T. Mặc dù thông tin về ngày tháng năm sinh trên giấy đăng ký kết hôn và Căn cước công dân của ông Ngô Văn T và bà Huỳnh Thị N có khác nhau nhưng được Công an xã H xác nhận đều là của cùng một người. Do đó đủ cơ sở xác định: Ông Ngô Văn T sinh ngày 02/3/1968 hay sinh ngày 11/5/1968 là cùng một người và bà Huỳnh Thị N sinh ngày 06/8/1965 hay sinh ngày 03/10/1965 là cùng một người.

[1.3] Bị đơn Huỳnh Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Ngô Văn T và bị đơn Huỳnh Thị N tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Khánh *(nay là UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên)* ngày 08/7/1988 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mẫu thuẫn, nguyên đơn Ngô Văn T đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Sự việc nêu trên có xác nhận của trưởng thôn V và Công an xã H, huyện T. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Ngô Văn T.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 05 con chung là Ngô Văn T1, sinh ngày 10/8/1988; Ngô Văn T2, sinh ngày 02/8/1991; Ngô Thị Bích T, sinh ngày 06/8/1994; Ngô Văn P, sinh ngày 10/7/1996 và Ngô Văn Q, sinh ngày 27/11/1999. Hiện các con đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, nguyên đơn không có yêu cầu gì nên Tòa án không xem xét.

[2.3] Về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngô Văn T.

1. Về hôn nhân: Nguyên đơn Ngô Văn T được ly hôn với bị đơn Huỳnh Thị N.

2. Về án phí: Nguyên đơn Ngô Văn T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tại biên lai thu tiền số 0006212 ngày 09/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Yên.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã H
(GCNKH số 334, ngày 08/7/1988);
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mộng Tuyền